

## BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

### QUYỂN TRUNG

Đạo Tràng Hoàng Phước tại kinh thành, Sa-môn Thích Ngạn Tông biên soạn.

Thánh giêng mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ mười một.

Vua Văn Đế muôn tuyên xưng tổ phong, tuân theo Tung Bồn Hệ mà viết ra.

Vua ban chiếu tuyên cáo với lê dân rằng: Khuôn phép của Đạo Lão, nghĩa ở chỗ thanh hư. Di huấn của Đức Thích-ca lý là nhân quả, lấy luận để triển khai giáo lý vậy. Vì muốn dắt dẫn chúng sanh mà lập ra các tông phái, làm lợi ích cho thế gian. Nhưng sự hưng thịnh của đại đạo bắt đầu từ xưa, nguồn gốc ban đầu không có nêu danh, sự nghiệp cao lớn mà biểu hiện có hình thể, vượt qua lưỡng nghi mà vận hành, ôm muôn vật mà nuôi dưỡng. Cho nên việc cai trị đất nước trở nên thuận hòa chất phát. Còn sự hưng khởi của Phật giáo ở bên Tây Vực, từ thời Đông Hán truyền sang Trung Hoa, giáo điển truyền khắp ra nhiều nơi, việc báo ứng chẳng phải một. Gần đây sự sùng tín lại càng sâu rộng. Người muốn được phước ở ngay đời, họa thì lo sợ ở tương lai. Do đó mà người còn đắm chìm trong thế tục, nghe đạo Huyền tông thì cười lớn. Người ưa thích điều lạ nghe chân đế mà tranh nhau quy về. Lúc đầu đạo khởi xưng ở chốn làng xã, sau đó vươn tới triều đình. Càng khiến cho kinh điển trở nên khác tục, sự vi diệu hơn hết những giáo điển trước kia.

Trẫm sớm tối thường lo nghĩ xa xôi đến chí đạo, nghĩ tư cách trước đây thường bị trời buộc bởi phép tắc. Huống chi trẫm vốn là trụ cột của nước nhà nên phải khởi xưng lên. May nhờ phước lộc của Thượng Đức mà dân chúng trong nước được đại định, cũng lại nhờ công đức của pháp vô vi, nên mới được pháp mầu mở mang khai hóa ở đây. Từ nay về sau việc thiết trai cúng dường lập hạnh ở nơi giảng luận. Bạc Đạo Sĩ nữ Quan có thể ở trước tăng ni khai hóa đạo mầu ở các nơi tôn trọng

phong cách của tổ tông xua tan mọi chương khí. Bấy giờ, tặng chúng trong các kinh ấp đều đến.

Bài biểu chương của vua vừa ban ra, Pháp sư cũng dâng biểu thưa rằng:

Pháp Lâm nay tuổi hạc đã cao, mới gặp được thời thái bình thanh trị. Khi sức đã về chiều mới gặp được vị vua Thánh anh minh. Trộm nghe! Con gặp được điều lành liền hiến dâng lên cho cha mình. Bề tôi có điều thiện thì tất sẽ dâng cho vua. Đạo thần tử đối với vua cha dám đâu không tận tâm bày tỏ. Điều gì mà cha thường khuyên bảo con, thì con đâu dám làm điều bất nghĩa. Kẻ sĩ nếu biết can ngăn bạn bè thì thân không lia việc tốt. Pháp Lâm tuy dự vào hàng xuất gia, nhưng vẫn xếp vào hạng bề tôi, nên có phạm điều gì cũng không dám che giấu mà không trình bày ra kính nhận.

Chiếu thư rằng: Quốc gia vốn nhờ phép nước luật vua mà được bền vững. Thổi ngọn gió của Tôn Tổ, phôi bày kinh điển của người trước. BỐ CÁO KHẮP NHÂN DÂN TRONG NƯỚC ĐỀU ĐƯỢC HAY BIẾT. Khiến cho bọn Đại Sĩ ở trên tầng ni, chu toàn theo chiếu chỉ đâu dám chống cự. Noi theo khuôn phép của Lão Tử mà cai trị đất nước, sửa đổi việc nhà. Các điều chương đều cảm phục cũng không thay đổi. Chí cao thanh hư không đồng với đời, không lập Quán vũ, không lãnh đồ chúng ở trong chỗ khiêm hạ để giữ toàn chân, ẩn đức lớn để nuôi tánh. Người có trí thấy đó thì cho là Trí. Kẻ ngu thấy vậy thì bảo là ngu. Nếu chẳng phải là Lão Tử Khấu thì không ai biết được. Nay Đạo Sĩ không tuân theo pháp tắc, mặc áo đội mũ như bọn Huỳnh Cân. Đó vốn chẳng phải là con cháu của Lão Tử, làm các việc tà thuật của Tam Trương, bỏ diệu môn của ngũ thiên. Lại đồng với các câu chương cú ngạo mạn của Trương Vũ. Từ thời Hán Ngụy đến nay, thường đem quý đạo biến hóa ở trong cõi Diêm-phù này. Đối giá làm con cháu của Lão Tử, thật là mầm móng của tà đạo. Nếu đặt trên tầng ni thì sợ rằng phạm thánh lộn lạo khó phân, sẽ tổn hại cho việc cai trị nước nhà. Nếu không trình tấu lên, thì làm sao biểu lộ hết cái tình của bề tôi. Cung kính sao lục đạo kinh và các sử của Hán Ngụy thì đều là việc Phật trước Đạo sau, như thế thì không sai trái vậy. Cúi mong Thiên tử dũ lòng xem nghe. Xin trình tấu lên.

Vua cho vời Quan Trung thư thị lang là Sâm Văn Bồn tuyên khẩu sắc rằng: Nói với chúng tăng rằng, chiếu lệnh đã hạ rồi. Nếu cũng không phục. Nước có nghiêm lệnh, Pháp sư ăn chay giữ giới, cho nên nói với chúng tăng rằng:

Vua ở tại Cửu trùng, dung nhan Ngài khó mà thấy được. Giả như muốn kéo áo chặt cầu cũng không do đâu mà làm được. Nếu chưa bằng Chung Vũ, Khuất Nguyên Thê Hoàng ở chỗ hoang dã, kết cỏ lan mà mặc, tự sống đời thanh bạch.

Đến tháng chín mùa thu niên hiệu thứ mười ba có Hoàng Cân Tần Thế Anh giỏi các việc y phương tế lễ, nên đem tài thuật ra để đua nịnh theo thời, nên được lòng của Trữ Hậu, bèn lên tâu các bài luận của Pháp sư, cho là hủy báng Hoàng tộc, chê bai người trước, mang tội vọng thượng.

Vua nghe bèn nổi giận, sa thải tăng ni. Ra lệnh cho đồ chúng y theo lời di giáo, là pháp Lâm hủy báng tông hệ của trẫm. Nếu không trừng trị, thì không có hình pháp quốc gia là gì. Nay Pháp sư muốn vươn đôi cánh bay lên để đến tận trời xanh. Không đợi truy xét mà hãy đưa đến nha phủ. Bọn Quan lại thừa lệnh chúa Thượng bèn tra hỏi Pháp sư, bắt nhốt ở châu đình. Quan Tư Không là Mao Minh Tố, thường đứng lâu nhìn Pháp sư thanh thản trong chốn u nhàn nên làm thơ nói với Pháp sư rằng:

*An nhiên trong lao ngục  
Chẳng màng việc tử sanh  
Mới nghiệm cây trong núi  
Mới biết bậc kỳ tài*

Pháp sư cũng làm thơ mà tạ rằng:

Bần đạo thức táng ngu muội, nên không dám tự thị, mà chỉ mượn mấy lời văn vẻ cuồng giảo, kính dâng lên hiền giả. Vì chưa có thể tự vẫn, nên còn chút hơi thở, mà tướng công lại ban cho thanh ngoạn, thì Lâm này cũng cam ở mãi chốn giam cầm này. Xin nói ra vài lời hư huấn này:

*Tiếng than đêm u uẩn  
Bày ra nỗi khổ cùng  
Tại nay ta thất thế  
Uổng cùng với người xưa  
Cỏ dây khó thấy trời  
Tùng xa dễ gặp gió  
Nhân nói mà đắc ý  
Ai tránh chốn cùng thông*

Mao Minh Tố khi đọc thơ của Pháp sư thì kinh dị vô cùng, than rằng:

Than ôi! Thật là biết quá trễ.

Tháng mười mùa Đông năm Quý Hợi, nhân ở chùa Hưng Thiện có thiết trai mời Pháp sư, Pháp sư viết thư tạ rằng:

Lòng thành nhận thọ cúng dường của triều đình, dù chẳng phải trên lương mỹ vị thì cũng là hương phấn lan phần. Đây cũng là ẩn lòng nhân từ khoan thứ sâu xa. Đêm mùi vị mà nuôi dưỡng thân hư huyền này. Thật là may lắm, may lắm.

Cúi mong đại chúng dừng mọi hành động để cùng hưởng thọ an lành vậy.

Pháp Lâm này thật bất tài nhận thọ của tăng chúng. Cùng nường tựa mà không thể tự dung. Cũng không phải là người có tài đức vượt hơn mọi người, chột thân này tàn lụi, không thể hòa hợp với nhau, trọn chỉ lo không có tội trạng, môn đồ lại phải quỳ gối ngậm dài phúng điệu thì hổ thẹn cho vong hồn vậy.

Thế nên biết dù người uống rượu say sưa mà tiết tháo từng bách cũng vẫn còn giữ sạch trong. Làm cho bùn dầy sóng mà sen quế mùi hương càng thanh khiết, Pháp Lâm này đâu được là người như vậy! Đã vậy mà nhân lúc nhàn rỗi làm thơ suy xét việc đời, thì cũng là hủy báng bậc trung sĩ, lại để cho kẻ hạ ngu dẫm lên dấu vết. Và lại để cho người giữ chân kéo đuôi, thì làm sao mà thanh thản được! Vả lại, bậc đạt nhân không mong cầu danh lợi. Người đại đạo giữ trọn khí tiết, thì cho dù tuổi trong giếng lạnh vẫn không thể đo lường được. Nên mới đem sự tăm tối ở chốn này mà làm tiêu mất tiếng tăm ở hang vắng, xua tan đám mây trắng phủ che. Nhân du ở chốn thông xanh, sớm thấy Tuệ Uyển, tối gặp thiền lâm. Mà quanh năm suốt tháng buông tình theo cảnh vật bên ngoài. Nguyện này chưa đủ bao trùm hết cảnh giới. Nhưng người có tội này nghĩ đem hết từ chương lý lẽ, bút mực thô thiển để nói hết lòng mình, thì thước trắng dễ phiến mà tắc lòng khó hết vậy.

Đến tháng mười, mùa Đông năm Bính Thân. Vua ban sắc cho Quan Kinh Bộ Thượng Thư Lưu Đức Uy, Lễ Bộ Thị Lang Cô Đức Phân, Thị Ngự Sử Vi Tông, Quan Tư Không Mao Minh Tố v.v....đến tại khám đường, mà hỏi Pháp sư rằng:

Người đã cạo tóc sửa tâm, mọi việc nên giữ điềm tĩnh. Xuất gia xả tục phải khế lý vô vi. Nên ẩn tích tu tứ thiền, tâm thực hành sáu độ.

Đem hết cặn bã của Đạo Nho, Mặc, tuân theo tinh hoa bán, mãn, thành hoa, sao phóng tâm trong chín cõi, anh tâm trong ngũ điển, dẫn rộng tam giáo. Từ lúc thăng trầm trị đạo, nêu đủ mười vua. Nêu lên sự hơn kém về sùng kính. Hoặc thuật lại đạo Phật trước sau. Lúc đàm luận về thầy trò Thích-ca, Lão Tử. Rộng bày mười dụ chín châm, đầy đủ khí

thành đạo quả. Lời nói thành tín bị hủy hoại thì rõ ràng bị quả báo. Luân bản nhân vật thì trải qua hết các sách vở. Việc lầm lỗi của Đạo gia, Tăng sĩ làm sao mà biết thờ Phật. Quy tâm thì giữ lòng trong sáng. Soạn luận cần khởi, quen bài xích ngoại đạo, thì người tội phải chịu lấy.

Pháp sư đáp rằng: Pháp Lâm nghe: Nhất thiết chủng trí hiệu là Tất-đạt-đa, trải qua số kiếp nhiều như bụi nhỏ mà ứng sinh. Người hiền trí thì theo học mà soi sáng khắp nơi: Hoặc mở bày cho ngoại đạo. Hoặc lại hiện làm nho lâm, ứng theo đồng loại mà khuyến dụ. Tùy theo hình loại khác nhau mà hóa độ. Về sau mới xưng là Vô Thượng Sĩ hiệu là Thiên Trung Thiên. Lưu dấu khắp cõi Ta-bà, giáo pháp truyền khắp các cõi nhiều như cát sông. Hoặc là nương an thiền ngộ đạo, tuệ giải mà khai sáng, cho đến dùng thần thông nói pháp khai hóa độ người. Nhưng vì cơ duyên ngộ đạo của chúng sanh khác nhau, cho nên khai tâm Bán giáo, Mãn giáo, mở đạo Nhất thừa, Tam thừa. Tùy căn cơ mỗi loài mà lý giải. Ý cũng do đây. Cho nên Phật khiến trong mười hai thời thì một thời học ngoại điển, đều muốn họ quy phục mà dắt dẫn kẻ tục. Duyên cạn đã sâu, thì dùng lời ái ngữ đồng sự, thế nên trong “Nội điển thông học luận” chép: Phạm ở trên trời thì thành tượng, thành mặt trời mặt trăng tinh dị khác thường. Dưới mặt đất thì biến hình thành sông núi mà khí có động tĩnh. Vật đã vậy thì người cũng như thế, cho nên thể hiện dung nghi đạo hạnh, đầu tròn áo vuông. Đem dụng của tánh tình, âm buồn thắm mà dương thư thái.

Tâm hạnh thì có sự ham muốn khác nhau, đồng cho nên sâu cạn ngu hiền cũng khác. Ý nghĩ tâm niệm cũng phân ra cuồng, thánh. Mở ra các giáo lộ đường tắt, khóc đến bạc đầu vẫn chưa thôi. Sắc tở mỗi thời đều thay đổi, đem lòng từ bi thương khắp chúng sanh. Đem tâm tín giải lợi khắp, chín cõi trăm nhà đều khởi xương. Lễ lạc của Nho giáo Đạo giáo, đem cửu tiên để loạn thần, việc đạo trống không, mà đem sáu kinh làm mất đức. Đem hình dung khác lạc mà luận biện dọc ngang. Đem lời của Khổng Tử làm lưu nhục mũ nhà Nho. Chuyên môn thì nhụt chí do chương cú. Văn chương thì lầm lỗi do khinh bạc. Người tục thì lấy hư vô làm nội điển. Kẻ tăng thì đem sách ngoài làm thí dụ. Giữ tiểu tiết thì bỏ đi rộng lớn, tu theo Đại đạo thì bỏ Tỳ-ni. Các tuệ sĩ thì lấy kiêu ngạo làm đạo phước chí tôn. Người tu thiền thì giữ gìn trí tuệ, phân nhiên dị học thì khó mà thắng lời nói. Các việc thì thích nghi, há cho không tu tập? Thích đồng với ác lạ, giữ chặt mê lầm lâu ngày cũng do đây. Ngôn từ ít thì tri thức cũng không nhiều, há như nửa vắn nửa chất, vừa tục vừa chân, xem hết các sách, lao lung các nghề. Chỉ có

bậc Năng nhân chủng trí bao trùm xưa nay. Có người ở vương xá, thử dùng bí mật chặn trâu, Phạm Chí ở rừng cây Thái tử Kỳ-đà. Những điều chứng nghiệm thì rất nhiều, khó mà nêu bày tể mĩ hết được. Cho nên, Đồng tử Thiện Tài đi tham cầu tri thức mà không biết chán. Trưởng Giả Kỳ vực chí thích học mà thông hiểu, lượng xét mà không bỏ một mảy bụi, vì tích đức rộng như núi, không rơi một giọt nước, nhóm thành biển trí rộng lớn. Rồi có Long Thọ khí lớn, và Mã Minh đức cao, mở mang đạo pháp một thời, truyền pháp cả ngàn năm. Lại có Đạo An thức soi cao như đỉnh. Pháp lan biện luận còn lưu sáng đời sau. Ngài Tăng Hội từ khí thanh cao, Tuệ Viễn thần thái rực rỡ đó đều là bậc lãnh tụ đi trước, cùng cảnh tiến cho hành giả đời sau vậy. Há chỉ có Phương Sóc mới có nhiều tài năng khéo léo. Còn Trương Hoa là người nổi tiếng học rộng mà thô sao. Nghe rằng: Muối đỏ gọi thì chê bất thức, bồ câu trắng bay lên thì cười bất tri. Còn có người thông hiểu học khắp thì hầu như không có sự hổ thẹn này. Trộm nghe, đức mà bao trùm trong ngoài, thì các thứ tà vạy sợ nép phục. Lý giải cùng tận đại tiểu, tùy căn cơ mà hướng hội. Nếu tiểu giáo chưa thông, thì tuệ phẩm không đủ. Ngoại học có thiếu thì giới thiên còn phạm. Thế nên khéo trau chuốt văn từ, thì vốn thành đức bốn biện. Nếu thanh vận vi diệu hòa nhã thì thật là dự vào phương năm minh. Nhưng mà kinh Hoa Nghiêm thì quở trách học rộng. Pháp Hoa thì răn việc gần gũi. Tự tỉnh ngộ vô chấp mà lại khác với kia sao? Không tự khoe là Tịnh Danh mà kiêu căng với đời. Muốn giúp sức chân đạo mà nương nhờ Chánh giác. Còn Điền Quân dùng kỹ nhạc hạ tọa mà còn có lúc cứu giúp. Người nước Tề có chút thuật toán, còn có thể tự sửa đổi. Huống chi người mài giữa văn chương để noi theo đạo đức của các Tổ. Đã đồng với vàng đá trúc tơ, đều là những âm thanh vui vẻ vậy. Các loại quả trái đều là mùi vị vừa miệng. Thí dụ núi cao dụ cho Sơ địa, thuận với Nan thắng của thế gian. Phong lưu không rơi rớt, văn chương ở đây sao? Cũng khiến cho chữ tăng và tục điển không bị hoang phế ở nơi gò vắng. Bậc nho sĩ biết Phật pháp thì không xem thường giới định. Cho nên nói: Bậc Đại sĩ học rộng, thông minh há lại hẹp hòi thủ cựu với người sao! Nhưng Biện Chánh căn khởi do Pháp Lâm soạn có lý do.

Đến giữa mùa Đông niên hiệu Vũ Đức thứ tư được Đạo sĩ Thanh Hư Quán là Lý Trọng Khanh soạn bài văn Thập Dị Cửu Mê. Và Lưu Tiến Hỷ soạn Hiển chánh đẳng luận. Nói về việc khinh thường Đại Thánh, làm mờ tối sanh linh... vọng trích dẫn kinh điển lấy trái làm phải. Lâm này đã giận bọn họ không hiểu biết. Vì nghĩ tội lỗi của họ nên mới rộng góp nhặt “Cửu lưu luận” thành “Bát trục”. Trình bày ra tam giáo

chí minh để làm lợi cho đất nước. Nêu thập Đại là ý muốn làm rõ sự tôn sùng. Căn cứ vào sách sử mà biện giải trước sau. Đem lời huấn cáo để làm rõ sự kính trọng tôn sư. Dùng người dụ để bác bỏ mười dị của họ. Lấy chín châm để phá bỏ chín mê. Hào khí căn bản của đạo thì đều có khuôn phép. Đem lòng tín phá tà đạo, nhưng Pháp Lâm đã xưa có soạn “Đạo sĩ nguy Mâu tử Tế” nói rõ về việc đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão đều cùng quy tâm, vì sao lại tự giữ cho mình. Rồi khi lý phù hợp, sự thuận theo thì thanh bạch rõ ràng. Căn bản đã rõ thì muôn việc đều được.

Bọn Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong luận “Trọng khanh ưu liệt”. Điều thứ chín trong mười điều, là bài văn “Tiến Hỉ Hiển Chánh”, chỉ có một trục, cũng không vọng trình bày những điều tốt xấu, rộng dẫn đế vương, vì sao những lời biện lại lộn xộn lung tung như thế. Giả sử trích dẫn giải cho người có học, mà trình bày những từ ngữ luống dối, vọng trình bày, khai sĩ, Nho sinh toàn không có thật lục, là muốn đem việc ngày nay để rõ việc ngày xưa, ý có chỗ chưa phải. Nay phải trình bày cho rõ ràng không được che dấu.

Pháp sư đáp: Lâm này nghe nói!

Vì sao có sự trái phải, là nói rõ lời của Tư Mã, Tử Mặc, Hàn Lâm thuộc bài phú của Dương Hùng. Lần lượt có bọn Huyền Vi, Cảnh Cơ truyền bá mạnh mẽ ở đương thời. Đó là theo lời của Tuấn Hoa, Xung Mạc ngày trước, nói rõ ngôn từ của Tông này ngày xưa, khuôn phép đã như vậy, Lâm làm sao mà nói khác được. Nếu không mượn đây để mở tông, thì làm sao lấy chỗ tà đạo để nêu bày tam giáo. Cho nên lúc sáng lập tam giáo, do đây bày ra mà lập luận, kể đến làm sáng rõ chín châm, trả lời thuyết của Trọng Khanh. Trong đó cũng có các sự mê hoặc từ trước đến nay. Nhân đó đem luận để giải thích cho thông suốt. Về sau đến giữa mùa niên hiệu Vũ Đức thứ tám, vua Cao Tổ đích thân đến Quốc học, lúc sắp hành lễ cúng tế, mới trình bày tam giáo đầy đủ. Bây giờ, cả hai chúng thông nhân Vân La đều nhóm họp đón rước, các vị tài giỏi của năm bộ vân tập nhiều như sao trời trên chiếu nghĩa.

Khi đó, có Phan Diên Hoàng Cân mới vọng tấu trước sau, tâu với vua Cao Tổ rằng:

Thái tử Tất-đạt không thể thành Phật. Sáu năm cầu đạo mới được thành Phật, đây là đạo có công năng sanh ra Phật. Phật do đạo mà thành, Đạo là thầy của Phật. Phật là đệ tử của đạo.

Bèn dẫn trong kinh Phật rằng: Cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Lại nói rằng: “Thế giải đại đạo, phát vô thượng ý” v.v...

Bấy giờ, có sư Thích Tuệ Thừa chùa Thắng Quang, học nghiệp

sâu xa, tài cao hơn đời. Khi ở trong quân thì tích lương mặc giáp, khi nước nhà có giặc thì đều đến cầu viện. Khi được hỏi về việc khai tông thì liền vỗ núi gõ đá, liền viết lời “Tả Huyền Hà”. Kiêm bài từ của Thổ Phi Long. Nghĩa lý cao sâu mà truyền bá rộng rãi. Không có lời nào mà không ứng cơ. Người này đã khiến Chúa thượng suy nghĩ lại, các quan lễ bái. Bây giờ, bọn cửu tiên ngoại đạo đều thức lễ ở ngoài cửa ngõ môn. Bọn Tam Đổng Hoàng Cân nghe ngóng rồi nói ra. PhápLâm cũng duyên theo đây mà luận nghị, lại chọn ra các sách Phật đạo trước sau giải thích về thầy trò Thích-ca, Lão Tử.

Lại làm bài “Bác Dịch” trình lên rằng:

Sau đời Hậu Hán, ở Trung Nguyên hoàn toàn chưa có lòng tin. Đến đời Tấn, Ngụy người dân mọi rợ một phần có lòng tin. Trong Trọng Khanh Luận chép: Trong bia đá có nói nước Tây Vực cùng Tăng Trưởng Đạo nhân, nhờ đây mà Phật pháp ở đây được hưng thịnh.

Lưu Tiến Hỉ nói: Từ Tây Vực truyền đến Trung Hoa qua đất này chưa hoàn toàn có lòng tin. Từ Diêu Thạch về sau, ngọn gió Hồ thổi sang mới bắt đầu hưng thịnh.

Pháp Lâm do ba người này nên không thể im lặng. Bèn khéo rộng trình bày cho Quân Vương, các quan đều kính Phật độ tăng. Dùng ngôn từ đối đáp làm rõ sự luống dối của ngoại đạo. Sau bày tỏ rằng lòng tin phải bỏ giao báo, để chỉ cho Trọng Khanh, nêu rõ kết quả của thiện ác, giúp họ sửa đổi.

Nhưng Trọng Khanh v.v... vẫn tuy có hai mà sự có nhiều điều. Giả như sách pháp Lâm có tám quyển, cũng vẫn là lược báo. Ngày nay chúa thượng rõ các việc chánh tà, từ đó mà hưng hiển Sa-môn, tôn sùng thích giáo. Há là dám đem việc ngày nay mà so sánh với người xưa. Ý có sự sai lầm nhưng lý số thì rõ ràng, thật là chính xác.

Bọn Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ nhất của luận có nói! Đời Đại Đường vua gặp bậc thánh thì chấp tay. Chuộng người hiền đức mà làm việc chánh. Quý bậc nhân đức mà trở nên thuần lương. Phật giáo và Đạo giáo cốt ở sự chánh tín, chẳng phải nóng nảy, gấp rút. Từ lâu muốn trình bày mà chưa dụ, nên còn những điều thắc mắc. Vậy thì điều đó có thật không, Pháp sư nên trình bày lại rõ ràng. Nay Thánh thượng có xem qua, vẫn tư có chỗ còn chưa rõ cần giảng lại không?

\* Pháp sư đáp: Pháp Lâm nghe! Khi Nho giáo cứu giúp thì, người ít biết tôn nghinh. Đạo Phật, đạo Lão làm lợi ích cho muôn vật thì kẻ ngu còn nghi. Cho nên mượn lời trên để làm rõ những điều chưa dẫn



du. Bậc học rộng nhờ đây mà xướng lên công đức nhiệm mầu này. Vậy nên nói: Tuấn chúa thờ cha mẹ lấy trung hiếu làm đầu. Toàn thân viễn hại thì đạo đức được tôn trọng. Cứu khổ lợi sanh, thì lòng từ bi. Luôn giữ lòng trung hiếu, mới có thể làm lợi ích cho nước nhà. Hành đạo lập đức có thể truyền bá thân danh. Hưng khởi tâm Đại bi, có thể cứu giúp chúng sanh, cứu giúp chúng sanh thì ân đức ban đều khắp trong sáu đường. Truyền bá thân danh tức làm hiển vinh pháp môn. Nước nhà đem công đức này mà bao gồm cả sáu hợp. Cho nên lấy trung hiếu để giáo huấn thế tục. Đem đạo đức làm phương thuật để giữ thân, hành đạo từ bi để chở che muôn vật, cũng giống như trời có tam quang, mỗi quang đều cân xứng với đức của nó. Như đánh có ba chân, mỗi chân đều có công năng của nó. Tam giáo đồng tuân thì muôn sự đều tốt đẹp vậy.

Nay Chúa thượng ở ngôi cao tối thượng, lòng cung kính Đạo Vô vi, Văn chương thông minh đều hiểu rõ không cần dẫn dụ. Nhưng vì bọn Trọng Khanh gốc tà kiến sâu xa, khiến cho Đạo pháp thánh thiện chưa thấm nhuần hết. Cho nên mượn ý của Tân chủ để xướng lên khuôn phép này. Nói ra lời lành để nêu cao việc ấy.

Con như hỏi rằng: Hoàng Thượng chưa rõ có thể trình bày không?

Thì xin xem rõ văn tự đều có phân ra rõ hết.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ hai của luận có nói! Xét các sách sử từ xưa thì biết việc nho học đời trước, không nghe tên linh bảo, chưa ghi thuyết của Thiên Tôn. Lại vọng xưng là thông suốt, rộng chế ra trai nghi, mà không thấy được chỗ thiết yếu. Chỉ tham cầu tiên thuật, danh hiệu Đạo Sĩ không biết từ đâu đến. Lời nói xa xôi như vậy thật không biết gốc gác từ đâu. Nhưng đạo giáo thì nói sự vi diệu của linh bảo, bí mật ở tại huyền đài. Lão giáo thì luận biện thân của Thiên Tôn là Đại La cung kính chắp tay, rồi chế ra ba nguyên mười chân. Đây chính là cách xuất ly. Là nghi thức sáu trai bắt phẩm. Há lại là phương thuật tham cầu. Danh của Đạo Sĩ còn như thế. Những lời như thế đã lâu dài vậy.

Người Hồ bác bỏ sự tôn sùng của triều đình, chẳng phải vì sự tôn kính của nước nhà, môn đồ năm lần nghe chưa vượt hơn ba chương. Lưỡi trời mênh mông, thưa mà chẳng lọt.

Pháp sư đáp: Pháp Lâm nghe rằng!

Điển thì có chín đầu hai mắt, Văn thì kim thiên hỏa Đế. Mô là Bạch Tần Xích Hán, Chí là ba Quốc hai kinh. Đó gọi là Tả sử Hữu sử, ký sự ký từ. Đây là lời trực bút trực ngôn, không hư vọng, không luống

đối. Cho nên Ngô chủ Tôn Quyền hỏi rằng:

Quan thượng thư lệnh là Hám Trạch rằng:

Tiên có pháp linh bảo. Thế còn Đạo giáo này thì như thế nào?

Hám Trạch thưa: Pháp linh bảo đó, một là không có tên tuổi để nương theo. Hai là không có nơi chốn để thành đạo. Còn Đạo giáo xuất xứ từ hang cốc vắng vẻ, con người chẳng biết được, thật là chỗ thâm sơn mà lạm nói, chẳng phải bậc Thánh chế ra.

Ngô chủ khéo nghe lời đối đáp, lại hỏi:

Danh hiệu Thiên Tôn xuất xứ từ kinh Phật, đó là trộm ý của Đạo Thánh ta sao?

Vì sao xét trong ngũ kinh chánh sử của Tam Hoàng đến nay, đều không cho là riêng chỉ có Thiên Tôn sống trên cõi trời. Nhưng từ thời Chu Công, Khổng Tử đã đặt ra lễ pháp, sau định thi thơ, vì vậy trong năm điển ba phần không thấy xưng là Đại-la. Các vua đời trước cũng không nghe cúng tế Thiên Tôn. Ở điện Đoan Cung cửa Hoa chỉ gọi là Đại Đạo. Ở cung Thống ngự thất Ánh, có Đạo giáo biện luận nói về Thiên Tôn, các nhà hiền triết nói về linh bảo. Đây là chuyện đạo thánh đồ thuyết (đầu đường xó chợ), đâu đáng y cứ. Những loại sách quanh co ngô tất đó chẳng phải là sách được công nhận. Lại có các sự tích trai nghi kiểu chế có thể tìm đọc. Không thể nào trình bày ra hết. Đó đều là do bọn Tam Trương ngụy soạn, Tu Tĩnh nói dối, bác bỏ như trong luận Pháp Lâm đã nói.

Lại danh hiệu Đạo Sĩ là do Đạo giáo dùng trước, không phải là tên Hòa thượng. Bên Nho giáo chưa có lời biện luận. Vì sao?

Trong Diêu thư có nói rằng: Bắt đầu từ đời Hán Ngụy về sau đã có Phù Diêu, đều gọi chúng tăng là Đạo Sĩ. Đến thời Ngụy Thái Vũ có một bọn tà đạo trộm xưng là Đạo Sĩ, lại đổi là Sái tửu. Đây có lẽ là sự ước đoán của Pháp Lâm, mà chính trong sử sách có nói rõ. Lại trong “Ban Cố Hán Thư Văn Đế Truyện” và “Phiên Nhạc Quan Trung Ký”, trong “Kê Khang Hoàng Phủ Mật Cao Sĩ Truyện” và “Phỏng Phụ Lão v.v...” đều không có nói Hà Thượng Công kết cỏ làm am thất mà hiện thần biến xứ. Các việc đều là luống dối, không có trong sách vở. Chỉ là vọng đem văn chương ma tạo thành pho quyển. Đến nay chúa Thượng cung kính hỏi đạo ở tại triều, Cửu tộc, Tôn thân bình an cả trăm họ. Thật có thể bỏ đi uế thuật của Tam Trương, mở mang diệu môn của ngũ thiên. Pháp Lâm nay vì hấp tấp mà phạm thượng, cúi mong Chúa thượng minh xét. Nếu khư khư mà từ chối thì sợ làm cho Thánh đế trở thành hôn quân. Cúi mong đến muôn lần, xin dâng những lời quê mùa này lên

Thánh thượng. Nếu được nạp thọ thì mong được lợi ích thật cao sâu.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ ba của luận có nói rằng! Vua Cao Tổ nhà Lương để tâm nơi kinh điển nhà Phật, cầu phúc mà xả thân. Vua Tùy Văn Đế gánh vác tứ sanh, làm rường cột cho Tam bảo. Hết lòng gìn giữ chánh pháp. Không hủy phạm tôn dung. Như thế thì chưa lành tích phước sẽ gặp điều an vui, mà xa lìa tai ương. Cố sao, nhà Ngụy thì mấy đời ngự ở bên ngoài, nhà Chu thì mấy vua đều truyền tự, nhà Lương thì bị nạn lớn lúc còn trẻ, nhà Tùy thì chỉ mới hai đời liền mất, cho nên biết Thiên Đạo không thiên vị, liền thành những lời luống dối. Họa dâm phước thiện, mà nói thật sai lầm. Vì sao lại làm cho đời bị tổn hại. Người sùng kính thì thọ mạng không lâu dài, tới lui vô chừng, mọi việc đã hiển nhiên, đến đi tự trái ngược, cũng đủ thấy đây là luống dối.

Pháp sư đáp rằng:

Pháp Lâm có nghe! Đạo giáo lúc ban đầu há chỉ nói rõ ba báo. Nho Tông lúc sơ khởi đâu chỉ bày một đời.

Cho nên Trọng Ni mới đáp lời Quý Lộ rằng: Sanh là việc của người, ông còn chưa biết. Chết là việc của quỷ thần ông làm sao biết được. Trong “Viên Hoàng Hậu Hán” Thư có nói rằng: Đạo gia có ra từ Lão Tử, Lão Tử thì lấy thanh hư đạm bạc làm chính. Làm thiện lánh ác là giáo lý. Nuôi dưỡng vợ con dùng làm sách bùa. Họa phước báo ứng đều trong một đời. Đây chỉ là lời nói cạn cợt chớ chẳng phải luận đàm xa xôi gì. Cho nên nếu vui với điều nghi lớn, huyền hoặc sâu xa thì như bậc Thượng Thánh đời Đường Ngu nuôi dưỡng Chu Quân, Hạ Ngu thì sanh ra vua Thuấn. Nhan Hồi là bậc Đại hiền mà phải chết yếu. Thương Thần cực ác mà được nối dõi. Đạo chích ngang tàng bạo ngược mà hưởng phước trọn đời. Di Tề là bậc Chí nhân mà chết đói. Trương Thang làm quan tàn ác mà bảy đời con cháu đều làm quan. Tỷ Can là bề tôi trung chánh mà phải chịu cắt mổ. Các vị như trên đây thật không thể kể hết. Đều là mê hoặc nghi ngờ cho nên là thường tình cả. Cì vậy bậc Đại giác của ta mới riêng xưng hiệu là Biến Tri. Xướng rộng bốn sanh, trình bày ba báo. Là muốn khiến cho bày sự nghi để hiển lộ chánh giáo. Lưu lại phả điệp trình bày rõ ràng đầy đủ những lời vàng. Cho nên trong kinh có nói:

Có nghiệp hiện ra khổ thì có quả báo, khổ đau. Có nghiệp hiện ra khổ mà có quả báo an vui, có nghiệp hiện ra vui thì có quả báo an vui, có nghiệp hiện ra vui mà có quả báo đau khổ, có lẽ là do phước dư chưa hết, điều ác chưa nhận chịu. Hoặc tội lỗi đời trước vẫn còn, mà duyên

lành đã phát. Như tro phủ lửa đâu thể nói không có lửa? Nếu trong chỗ tối mà tìm âm thanh nên biết chắc chắn sẽ có. Vả lại thiện ác không rõ ràng, cũng giống như mặt trời thiếu ánh sáng, báo ứng đều có trở về. Khi Kinh ngữ mất thì các sao hiện ra. Chỉ xét ở phần cảm thông, đủ rõ nguyên nhân của thiện ác, thế nên Tiêu Dương Chu Ngụy có thể không nghĩ mà tự mình giải thích được.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Phần thứ tư của luận có nói rằng: Đời vua Cao Tổ Vũ Hoàng Đế dường như vua ban chiếu rồi mới có soạn luận. Đến nay các vua đều tôn sùng Lão Đam làm gốc. Tuân phụng từ đó mới ban sắc xếp Đạo Lão ở trên hết. Nay Pháp sư vì sao lại cố chống lại chiếu văn. Tội cố hủy phạm chuyện chẳng phải nhỏ, phải trình bày rõ ràng. Không được luống thêm bớt những điều hư hoặc.

Pháp sư đáp: Lâm này soạn luận văn, bốn duyên từ đời Lưu, Lý, thật chẳng phải từ lúc có chiếu lệnh về sau. Đó là do tám năm trước, chỉ vì thụy hiệu chưa thi hành. Từ lúc sáng lập ra gọi là Hoàng Đế, lần lượt y theo Hán Sử mà làm Thái Thượng Hoàng. Sau thấy Đế thụy đã ban hành, mới ghi là Đại Vũ. Xin tìm đọc luận quyển thứ tư, có chỉ ra đức độ hiển nhiên. Nhưng bút ký trong tám năm đủ biết không phải sai lầm. Lẽ nào dám công nhiên hủy báng chiếu thư về sau. Tìm hư mà trách thật, tôi cũng chỗ trở về. Xin xét lần lượt sẽ phân biệt sự trong sạch.

Đức Uy v.v... lại hỏi: Phần thứ năm của luận nói rằng! Theo Y Diêu Trường Khiêm Lịch chép: Phật ra đời năm giáp Dần đời Châu Chiêu Vương, đến năm Nhâm thân vua Mục Vương mới diệt độ. Nhưng vì sao ngài Pháp Hiển lại truyền rằng: Phật sanh vào thời Thánh Ân Vương. Rút ở trong bài ký về Tượng chánh pháp nói là: Năm Chu Bình Vương thì Phật đản sanh. Ngài Đạo An soạn luận lại nói chính xác là đời Hoàn Vương. Trương Phòng sao lục lại thì kiên quyết nói vào đời Trang Đại. Cho nên biết thì việc truyền thuật rất trái ngược lộn xộn, không thể nào y cứ, hiển bày trước sau, xa gần lại khác nhau.

Pháp sư đáp: Tôi nghe rằng! Đức Đại Thánh ứng sanh vốn là để đem lại lợi ích cho chúng sanh, người không căn duyên thì chẳng gặp. Cho nên trong kinh nói rằng:

Phật nói một thứ tiếng, tùy theo loài mà hiểu. Luận về âm thanh đã như vậy, thì ngữ thể cũng thế, nhưng truyện ký có nói rõ, chẳng phải là không có lý lẽ. Nay, Pháp Lâm căn cứ ở nhiều nhà. Trước là nêu bày cái đúng thật rồi sau mới nói cái sai lầm. Y theo Pháp sư Đàm Mô Tối người nước Ngụy, Pháp sư Thượng Tổng đời Tề và Bác sĩ Tu Lịch

Điều Trường Nhượng, v.v... đời Tùy. Lại căn cứ vào “Chu Mục Thiên Tử Truyện” “Chu Thư Dị Ký”, bài tựa “Tiền Hán Lưu Hương Liệt Tiên Truyện” “Tinh Cổ Cự Nhị Lục” “Hậu Hán Pháp Bản Nội Truyện” và “Truyện Nghị Pháp Vương Bản Ký”

Ngô Thượng thư lệnh Hám Trạch v.v... y cứ theo kinh A-hàm thì xét Phật đản sanh vào đời Chu Cơ thứ năm là năm Chiêu Vương Hà lên ngôi, tức năm Quý Sửu thứ hai mươi ba, ngày mười lăm tháng bảy. Khi ấy, Bồ-tát hiện hình voi trắng mà giáng thần, từ cung trời Đâu-suất thác sanh vào cung vua Tịnh Phạn, Ma-da phu nhân liền thọ thai.

Cho nên trong sách “Hậu Hán Pháp Bản Nội Truyện” có nói:

Vua Minh Đế Pháp sư Ma-đăng rằng! Ngày tháng Phật đản sanh có thể biết được không?

Ngài Ma-đăng thưa:

Phật đản sanh vào ngày mười lăm tháng bảy năm Quý Sửu, gá thức ấm vào bụng Ma-da, tức là năm này vậy. Đến năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, ngày mùng tám tháng tư, ở trong vườn Lâm-tỳ-ni dưới cây Ba-la, Bồ-tát từ sườn bên phải đản sanh.

Trong Kinh Phổ Diệu chép:

Lúc Phật đản sanh, khắp nơi đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cả thế giới Tam Thiên.

Trong “Chu Thư Dị Ký” chép:

Năm Giáp Dần, đời Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, nhằm ngày mùng tám tháng tư. Khi ấy các sông suối, ao hồ bỗng nhiên dâng lên. Giếng khô, suối cạn cũng đầy ngập nước. Cung điện, nhà cửa, sông núi thủy đều rung chuyển. Trong đêm không khí có năm màu sắc, nhập vào trong thây hư rồi biến khắp bốn phương, chỗ tận cùng làm thành màu xanh hồng.

Vua Chiêu Vương liền hỏi Quan Thái Sử là Tô-do rằng:

Đây là điều lành gì?

Tô-do đáp:

Có bậc Đại Thánh vừa hạ sanh ở phương Tây, cho nên hiện ra điềm này.

Chiêu Vương hỏi:

Đối với dân chúng trong nước thì như thế nào?

Tô-do thưa:

Ngay bây giờ thì không có chỗ khác. Đến một ngàn năm sau, thanh giáo kia mới đến Trung Quốc.

Chiêu Vương liền sai người khắc bia đá ghi lời này, chôn ở phía

trước đèn thờ trời ở ngoài ô phía Nam. Phật đản sanh cũng chính vào năm này.

Đến năm Nhâm Thân, năm Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, nửa đêm ngày mừng tám tháng tư vượt thành xuất gia, nên kinh Thụy Ứng chép: Năm Thái tử mười chín tuổi, nửa đêm ngày mừng tám tháng tư người trời liền nhìn qua cửa sổ, chấp tay nói rằng:

Bây giờ chính là lúc nên đi. Nhân đó sai gọi ngựa đem đến đến rồi lên đường, cũng chính là vào năm này.

Đời vua Chu thứ sáu là Mục Vương, húy là Mãn. Vào ngày tám tháng hai năm Quý Mùi niên hiệu thứ hai, bấy giờ Phật ba mươi tuổi vừa thành đạo.

Nên trong kinh Phổ Diệu chép:

Bồ-tát ngồi thiền, khi sao vừa xuất hiện sáng rõ thì bỗng nhiên đại ngộ. Đây chính là vào năm này.

Vào ngày rằm tháng hai năm Nhâm thân đời vua Chu Mục Vương thứ năm mươi hai, bấy giờ Phật bảy mươi chín tuổi mới diệt độ.

Kinh Niết-bàn chép:

Ngày rằm tháng hai là lúc Phật nhập Niết-bàn, phát ra các thứ ánh sáng, mặt đất rung chuyển, âm thanh vang đến trời Hữu Đảnh. Ánh sáng biến khắp cõi Tam thiên.

Trong “Chu thư dị ký” chép:

Khi vua Mục Vương lên ngôi vào năm Nhâm Thân thứ năm mươi hai, nhằm ngày rằm tháng hai. Trời vừa sáng, gió bỗng nhiên thổi mạnh làm cây cối nhà cửa đều gãy đổ, sông núi mặt đất thủy đều rung chuyển. Đến giờ ngọ thì trời tối mây đen. Hướng Tây có mười hai lần cầu vồng, từ hướng Nam bắc thông qua, suốt đêm không tan.

Vua Mục Vương hỏi Thái sư Hồ Đa rằng:

Đó là điềm gì?

Hồ Đa đáp:

Phương Tây có bậc Đại Thánh đã diệt độ nên tướng suy hiện ra.

Phật nhập Niết-bàn cũng chính vào năm này. Bắt đầu đản sanh ở Tây Vực vào năm Giáp dần đời vua Chiêu Vương thứ hai mươi bốn đến nay. Là năm Kỷ Hợi niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai đời Đường. Đã trải qua một ngàn sáu trăm mười tám (1.618) năm.

Trong Pháp Hiển Truyện chép:

Phật đản sanh vào thời vua Thánh Ân. Nhưng Pháp Hiển tuy từng đi du giáo hóa ở nước ngoài, nhưng truyện cũng không thể y cứ. Năm tháng sai biệt lớn nên chưa đủ để làm tin.

Lại ngài Đạo An nói từ năm Ất sửu cho đến năm Giáp Dần thì Phật đản sanh, cũng không có căn cứ rõ ràng, chưa đủ chứng nghiệm. Lại trong “Tượng Chánh Chi Ký” cũng ít thấy có bằng chứng để y cứ. Ngài Đạo An soạn luận căn cứ theo lời ký của ngài La-thập. La-thập làm bài ký đó, là nương theo ngài An Thế Cao, ngài An Thế Cao ở tại thành Lạc Dương đời Hán Hoàn Đế mà phiên dịch kinh tạng. Căn cứ theo thời người cầm bút thì thời vua Hoàn Vương. Nhưng ngài La-thập từ đầu nhà Tần đến nay, ngài An Thế Cao từ đời Hán về trước, hai vị Đại sư cách nhau ba trăm năm. Cùng tin tưởng nương theo mà làm bài ký. Chẳng phải là luận của ngài Đạo An soạn ra có lầm lẫn, mà do lỗi của người truyền lại. Lại vào đời Tùy, học sĩ phiên dịch đời Tùy là Phí Trường Phòng nói.

Phật đản sanh vào thời vua Trang Vương, Thích Trường Phòng nói Nhị Trang đồng thời, Chu Trang Vương năm thứ mười, tức là Lỗ Trang năm thứ bảy vậy. Nhưng căn cứ theo hằng tinh làm chứng nghiệm để nói Phật đản sanh thì chưa biết hằng tinh riêng do việc khác.

Pháp Lâm căn cứ theo Văn-thù-sư-lợi Niết-bàn kinh chép:

Sau khi Phật diệt độ sau hai trăm năm mươi (250) năm, ngài Văn-thù đến núi Tuyết, giáo hóa cho năm trăm (500) vị tiên, sau đó trở về bốn Quốc, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp thế giới rồi nhập Niết-bàn. Điềm lành Hằng tinh tức là vào thời này. Trường Phòng nói ngày tám tháng hai Phật đản sanh. Đó chính là tháng tư chứ không phải tháng hai. Lời Trường Phòng phán quyết đó, là chưa xét cùng tận nguồn gốc. Vì sao?

Trường Phòng nói:

- Nhà Chu lấy tháng mười một làm tháng giêng. Nói tháng hai chính là tháng tư ngày nay. Tuy là nói tháng hai nhưng cuối cùng là tháng tư. Còn xét theo bộ Xuân Thu thì tính năm theo năm của Lỗ Trang Công, còn tháng thì lấy theo tháng của Chu Vương, Hằng tinh vốn là điềm lành xuất hiện vào thời nhà Chu, nên căn cứ vào ngày tháng đời Chu.

Trường Phòng nói rằng:

Phật đản sanh vào ngày mùng tám tháng hai năm thứ mười đời vua Trang Vương. Thật là sai lầm lớn. Nếu nói tháng hai thì không nên luận về sao.

Trường Phòng lại nói:

Phật mùng tám tháng tư gá vào thai bà Ma-da, đó là nói về tháng của nhà Chu. Khi đản sanh cũng theo chu kỳ của nhà Chu. Ở đây nói

tháng hai cũng không đúng. Nếu theo lịch nhà Chu lấy tháng mười một làm tháng giêng, thì Như Lai không sanh vào tháng hai. Phạm người tháng giêng thụ thai thì đến tháng mười mới sanh. Tháng tư thụ thai thì tháng giêng mới sanh. Khi Phật hạ sanh thì cũng giống như người đời, nên tháng bảy thụ thai thì đến tháng tư mới sanh.

“Vương Thiệu Tề Chí” có chép:

Tháng tư của nhà Chu chính là tháng sáu nhà Hạ (Chu Hạ phải có hai chữ Thượng Hạ thì mới phân biệt được). Lấy đây mà suy ra thì Phật sanh tháng tư, phải thọ thai vào tháng bảy. Còn nói tháng sáu là lấy theo thời tiết. Tuy đã qua tháng bảy nhưng rốt cuộc thuộc về tháng sáu. Nếu tin lời Vương Thiệu nói thì không sai.

Trường Phòng lại nói:

Vào tháng hai năm Quý Hợi đời Chu Tuệ Vương thứ mười một. Khi sao sáng xuất hiện thì Phật hoá nhiên thành đạo. Đây cũng là sai lầm lớn. Vì sao?

Xét theo sách “Lưu Hưởng Cổ Cựu Nhị Lục” chép:

Thời Chu Tuệ Vương thì đã dần bắt đầu có Phật giáo. Một trăm năm mươi năm sau, Lão Tử mới nói “Ngũ Thiên” văn, nếu cho bắt đầu từ thời Chu Vương mới thành Phật, thì không phù hợp với kinh giáo như đã truyền ở Kinh đô Lạc Dương. Lại tính Tuệ Vương tức cháu của Trang Vương. Lấy năm Quý Hợi mà suy thì cách nhau chỉ ba mươi năm, không phù hợp với lúc mới thành Phật. Kinh giáo đã đến Trung Hoa, Như Lai hóa đạo ở thế gian bốn mươi chín năm. Ngài Ca-diếp kết tập lại sau khi Phật diệt độ. Pháp môn dần dần đi về hướng Đông chính là vào thời nhà Chu. Lời của Lưu Hưởng thật không có sai lầm. Trường Phòng sao lục lại nên không đáng y cứ. Nên hiểu là bậc Thánh ứng hiện không có phương lý thì khó mà suy tính ước đoán. Hướng chi Đông Tây cách trở niên đại xa xôi. Lại gặp lúc sáu nước ngang dọc, Tần Sở giao tranh. Về niên kỷ thì không ít sự sai lầm, người làm lịch thì nhiều nhà, nên càng có sự sai trái thêm bớt khác nhau, ai cũng cho ý của mình là chỉ Nam, nay Pháp Lâm chỉ nói sơ về sự thấy nghe của mình, để làm rõ các sử lục, trình bày sơ lược những điều xa gần, nêu bày sự chính xác trước sau vậy.

(Đường Hộ Pháp, Sa-môn Pháp Lâm Biệt Truyện - Quyển Trung).